TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2026/DS-ST
Ngày 09/4/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Ngô Bá Đức

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đinh Thị H1ền Đăng – Kiểm sát viên.

Trong 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Quốc H1, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp An T, xã An Q, tỉnh V.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Minh N, xã Hương M, tỉnh V (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1978. Địa chỉ: 212/1 ấp Thạnh Tr, xã Thạnh P, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/10/2023 ông Đoàn Quốc H1 và ông Nguyễn Thanh H2 có lập Hợp đồng cầm cố tài sản, theo thỏa thuận ông H2 sẽ cầm cố cho ông H1 thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất ấp Thạnh Trị Hạ, thị trấn Thạnh Phú, H1ện Thạnh Phú,

tỉnh Bến Tre (nay là xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long) để đảm bảo khoản vay 500.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất vay thỏa thuận theo qui định của pháp luật là 1.66%/tháng, thời hạn vay đến ngày 18/10/2025. Ông H1 đã giao và ông H2 đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng, ông H2 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 02 cho ông H1, đồng thời ký Hợp đồng ủy quyền cho ông H1 toàn quyền định đoạt đối với thửa đất. Hợp đồng ủy quyền được ký kết tại Văn phòng công chứng Thạnh Phú ngày 18/10/2023. Việc các bên ký Hợp đồng ủy quyền là để đảm bảo khi ông H2 không trả nợ khi đến hạn hoặc chậm trả lãi hàng tháng thì ông H1 có quyền thanh lý tài sản cầm cố bằng cách cH1ển nhượng tài sản cầm cố đó theo quy định để thu hồi nợ.

Từ thời điểm đầu năm 2024 cho đến nay ông H2 không thanh toán lãi hàng tháng đúng hạn theo thỏa thuận tại mục số 9 của Hợp đồng cầm cố, ông H1 nhiều lần thương lượng không có kết quả nên đi thực hiện thủ tục cH1ển nhượng sang tên đối với thửa đất nhằm thu hồi nợ thì phát hiện tài sản kể trên đã bị phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho người khác. Ông H1 tiếp tục đến tận nhà gặp ông H2 để thương lượng phương án giải quyết nhằm thu hồi số nợ và tiền lãi nhưng ông H2 không đưa ra được phương án nào thanh toán nợ.

Nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên ông H1 yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết giữa ông Đoàn Quốc H1 và ông Nguyên Thanh H2 ngày 18/10/2023; hủy Hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa ông Đoàn Quốc H1 và ông Nguyễn Thanh H2 tại Văn phòng Công chứng Thạnh Phú ngày 18/10/2023 số công chứng 3293, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38, địa chỉ thửa đất ấp Thạnh Trị Hạ, thị trấn Thạnh Phú, H1ện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long). Buộc ông Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ trả lại cho ông H1 số tiền vay còn nợ là 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ thời điểm 01/01/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/ tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, 26, 35, 39, 58, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, các Điều 117, 124, 131, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh H2 và ông Đoàn Quốc H1 tại Văn phòng Công chứng Thạnh Phú ngày 18/10/2023, số công chứng 3293, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD liên quan đến thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38, địa chỉ ấp Thạnh Trị Hạ,

xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long. Buộc ông Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Quốc H1 số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng theo mức 10%/năm từ ngày 18/01/2024 đến ngày xét xử. Ông Nguyễn Thanh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho ông Đoàn Quốc H1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp thì quan hệ pháp luật của của vụ án là Tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 18/10/2023 ông Đoàn Quốc H1 và ông Nguyễn Thanh H2 có xác lập hợp đồng cầm cố tài sản với nội dung ông H2 vay của ông H1 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 2, tờ bản đồ số 38 tại ấp Thạnh Trị Hạ , thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nay là ấp Thạnh Trị Hạ, xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long. Cùng ngày 18/10/2023, ông H1 và ông H2 có lập hợp đồng ủy quyền với nội dung ông H2 ủy quyền cho ông H1 được quyền thay mặt ông H2 kê khai và nộp các loại thuế, phí, lệ phí; xin trích lục, điều chỉnh,...quản lý, sử dụng, đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê,...có liên quan đến thửa đất số 2 , tờ bản đồ số 38 tại ấp Thạnh Trị Hạ , thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Thạnh Trị Hạ, xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long). Hợp đồng được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Thạnh Phú. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H1 đã giao đủ tiền cho ông H2 nhưng từ đầu năm 2024 ông H2 không thanh toán lãi cho ông H1 nên ông yêu cầu ông H2 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng và hủy hợp đồng ủy quyền ngày 18/3/2023 do giả tạo.

Xét thấy, theo lời trình bày cuả nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định thực tế ông H2 có vay của ông H1 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18/10/2023 đến ngày 18/10/2025, mức lãi suất do các bên thỏa thuận, tài sản thế chấp là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 38 tại ấp Thạnh Trị Hạ , thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Thạnh Trị Hạ, xã Thạnh Phú,

tỉnh Vĩnh Long). Việc vay tiền của các bên có lập hợp đồng đồng cầm cố tài sản ngày 18/10/2023 nhưng bản chất là hợp đồng vay tiền, việc vay tiền được đảm bảo bằng thửa đất số 38 nêu trên. Ngoài ra, ông H1 và ông H2 có lập thêm hợp đồng ủy quyền liên quan thửa đất số 2, tờ 38, theo đó ông H2 ủy quyền cho ông H1 được quyền thực hiện các nội dung liên quan đến quyền định đoạt thửa đất này nhưng ông H1 không có nhận đất, đất vẫn do ông H2 quản lý sử dụng nên có đủ căn cứ xác định bản chất của hợp đồng ủy quyền là hợp đồng vay tiền, việc ông H2 ký hợp đồng ủy quyền cho ông H1 và giao sổ đỏ cho ông H1 chỉ nhằm đảm bảo cho việc vay tiền nên hợp đồng ủy vô hiệu, hợp đồng vay tiền có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H2 không thanh toán lãi và vốn gốc cho ông H1 khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ nên ông H2 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền 500.000.000 đồng.

Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tiền lãi, quá trình thực hiện hợp đồng ông H1 cho rằng ông H2 chỉ thanh toán lãi được 02 tháng lãi nên ông yêu cầu ông H2 tiếp tục trả lãi cho ông từ ngày 18/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 0,83 %/tháng (ông H1 xin thay đổi mức lãi suất từ 1,66%/tháng còn 0,83%/tháng). Xét thấy, ông H1 và ông H2 có thỏa thuận về lãi suất nhưng không nêu rõ là bao nhiêu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì trong trường hợp này mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định (20%/năm). Do đó, yêu cầu của ông H1 là phù hợp nên được chấp nhận, tiền lãi ông H2 có nghĩa vụ trả cho ông H1 được tính cụ thể như sau:

500.000.000 đồng x 0,83% x 26 tháng 21 ngày = 110.805.000 đồng.

Tổng số tiền ông H2 có nghĩa vụ trả cho ông H1 là: 500.000.000 đồng + 110.805.000 đồng = 610.805.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Đoàn Quốc H1 được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.432.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Hoàn trả cho ông H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 124, 131, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quốc H1.

- Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa ông Đoàn Quốc H1 và ông Nguyễn Thanh H2 tại Văn phòng Công chứng Thạnh Phú ngày 18/10/2023, số công

chứng 3293, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD liên quan đến thửa đất số 02, tờ bản đồ số 38, địa chỉ ấp Thạnh Tr, xã Thạnh P, tỉnh V là vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Quốc H1 số tiền 610.805.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 110.805.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Thanh H2 có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 28.432.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Hoàn trả cho Đoàn Văn Tiến số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.754.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006610 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH2 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDKV9-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở